



**SÔNG ĐÀ 11**

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**  
Tel: 0433 545 867 Fax: 0433 542 280  
=====

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**QUÝ IV & LŨY KẾ 31/12/2017**

**HÀ NỘI THÁNG 01 NĂM 2018**

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ**

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017*

TT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140)</b>	<b>100</b>		<b>457.287.827.176</b>	<b>477.219.509.965</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>144.234.948.699</b>	<b>168.376.737.626</b>
1	Tiền	111		58.234.948.699	108.376.737.626
2	Các khoản tương đương tiền	112		86.000.000.000	60.000.000.000
<b>II</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>550.790.000</b>	<b>12.545.806.365</b>
1	Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	2.222.000.000	14.476.266.000
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(1.671.210.000)	(1.930.459.635)
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>255.179.526.159</b>	<b>209.362.018.969</b>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	209.550.559.455	191.887.085.815
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	19.480.218.096	4.710.508.285
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134		-	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		13.720.000.000	500.000.000
6	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	23.592.216.248	43.814.692.389
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(11.163.467.640)	(31.550.267.520)
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>53.755.429.639</b>	<b>85.171.166.517</b>
1	Hàng tồn kho	141	V.7	53.755.429.639	85.171.166.517
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.567.132.679</b>	<b>1.763.780.488</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	-	59.480.101
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.529.986.447	1.562.337.176
3	Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153		37.146.232	141.963.211
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	155	V.9	-	-
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>	<b>-</b>	<b>350.208.590.577</b>	<b>316.400.884.972</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>10.238.209.323</b>	<b>19.185.963.470</b>
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.10	10.238.209.323	19.185.963.470

2	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4	Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>93.572.164.823</b>	<b>86.233.978.659</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	83.338.227.823	85.747.358.659
	- Nguyên giá	222		185.576.963.914	179.138.053.146
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(102.238.736.091)	(93.390.694.487)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	10.233.937.000	486.620.000
	- Nguyên giá	228		10.233.937.000	486.620.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	- Nguyên giá	231		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1	Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>245.145.644.720</b>	<b>210.196.893.145</b>
1	Đầu tư vào công ty con	251	V.14	245.145.644.720	215.576.994.720
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	-	-
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	-	-
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	(5.380.101.575)
5	Đầu tư tài chính đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.252.571.711</b>	<b>784.049.698</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	1.252.571.711	784.049.698
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4	Tài sản dài hạn khác	268	V.18	-	-
5	Lợi thuế thương mại	269		-	-

	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>807.496.417.753</b>	<b>793.620.394.937</b>
<b>TT</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>THUYẾT MINH</b>	<b>SỐ CUỐI KỲ</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM</b>
<b>C</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ ( 300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>442.868.479.232</b>	<b>476.050.289.273</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>373.229.263.079</b>	<b>422.668.608.238</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.20	57.944.533.557	53.147.632.432
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.21	102.748.737.530	43.078.514.531
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.22	22.573.263.468	13.798.799.951
4	Phải trả người lao động	314		10.476.871.465	11.469.231.813
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.23	11.070.035.682	15.612.901.456
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.23	-	-
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	317		-	
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		42.500.000	
9	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.24	46.940.926.266	85.402.303.898
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		118.358.762.373	193.781.280.215
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.397.698.522	4.708.562.688
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.675.934.216	1.669.381.254
13	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>69.639.216.153</b>	<b>53.381.681.035</b>
1	Phải trả dài hạn người bán	331	V.26	9.515.803.333	7.783.336.738
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.27	-	-
4	Phải trả nội bộ dài hạn	334	V.28	-	-
5	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	202.250.000
7	Phải trả dài hạn khác	337		500.000.000	1.000.000.000
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		56.682.744.784	5.662.744.784
9	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.940.668.036	38.733.349.513
13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>D</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU ( 400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>364.627.938.521</b>	<b>317.570.105.664</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.31	<b>364.627.938.521</b>	<b>317.570.105.664</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		115.531.050.000	115.531.050.000
	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.531.050.000	115.531.050.000

	Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		34.366.527.623	34.366.527.623
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8	Quỹ đầu tư phát triển	418		154.587.970.079	127.652.984.979
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60.142.390.819	40.019.543.062
	- Lợi nhuận năm trước	421a		-	40.019.543.062
	- Lợi nhuận năm nay	421b		60.142.390.819	
12	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1	Nguồn kinh phí	431		-	
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN ( 440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>807.496.417.753</b>	<b>793.620.394.937</b>

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Lập biểu



Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng



Trần Văn Ngự

Tổng giám đốc



  
Lê Văn Tuấn



# BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ

## Quý IV & lũy kế năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ IV/2017	QUÝ IV/2016	LŨY KẾ ĐẾN 31/12/2017	LŨY KẾ ĐẾN 31/12/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	152.598.867.281	226.641.206.089	455.467.928.915	759.606.719.610
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2				0	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		152.598.867.281	226.641.206.089	455.467.928.915	759.606.719.610
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	89.065.823.448	181.107.286.460	372.911.587.570	675.446.671.884
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		63.533.043.833	45.533.919.629	82.556.341.345	84.160.047.726
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	732.264.428	488.094.733	14.142.826.096	20.161.340.124
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	-2.265.331.361	-4.986.932.888	9.581.984.998	6.055.082.527
Trong đó : Chi phí lãi vay			3.032.017.441	2.326.931.843	11.932.190.540	6.107.883.675
8. Chi phí bán hàng	24		0	0	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	19.966.325.803	16.019.909.566	40.292.608.082	49.346.867.899
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		46.564.313.819	34.989.037.684	46.824.574.361	48.919.437.424
11. Thu nhập khác	31	VI.6	120.172.095	7.719.677.084	44.249.634.527	12.189.986.424
12. Chi phí khác	32	VI.7	-9.787.875.735	1.780.169.820	19.041.167.075	2.226.156.222
13. Lợi nhuận khác	40		9.908.047.830	5.939.507.264	25.208.467.452	9.963.830.202
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		56.472.361.649	40.928.544.948	72.033.041.813	58.883.267.626
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.30	10.568.464.974	7.310.619.564	11.890.650.994	7.310.619.564
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	VI.21	0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		45.903.896.675	33.617.925.384	60.142.390.819	51.572.648.062
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8				
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC

CỔ PHẦN

SÔNG ĐÀ

Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

0500313817

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Lê Văn Tuấn



**Lưu chuyển tiền tệ**  
**Lũy kế đến 31/12/2017**

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế đến 31/12/2017	Lũy kế đến 31/12/2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	492,299,002,314	814,717,874,142
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	-365,346,423,565	-995,585,554,937
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	-3,319,967,686	-60,416,116,540
4. Tiền chi trả lãi vay	4	-11,932,190,540	-6,107,883,675
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	-8,501,286,829	-14,466,132,425
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	6,154,046,324	20,376,442,451
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	-37,784,886,235	-52,708,364,745
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>71,568,293,783</b>	<b>-294,189,735,729</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	-19,222,800,888	-2,543,615,353
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	719,090,910	605,727,272
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-150,270,000,000	-500,000,000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	137,050,000,000	234,012,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-34,976,240,000	-37,380,000,000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5,407,590,000	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12,654,817,976	19,428,306,012
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>-48,637,542,002</b>	<b>213,622,417,931</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		0	
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	300,466,228,290	273,016,058,063
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-324,628,746,132	-171,619,945,542
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-22,891,738,520	-22,983,277,650
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-47,054,256,362</b>	<b>78,412,834,871</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>-24,123,504,581</b>	<b>-2,154,482,927</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>168,376,737,626</b>	<b>170,531,208,177</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>1,715,654</b>	<b>12,376</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>144,254,948,699</b>	<b>168,376,737,626</b>

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2017

Lập biểu



Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng



Trần Văn Ngự



Tổng giám đốc

Lê Văn Tuấn

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp và sản xuất điện thương phẩm.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện; Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình; Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện; Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ có cấp điện áp đến 500KV; Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

*Các Công ty con*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	BT3-Vị trí 24, KĐT Xa La, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	Xây dựng công trình điện	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bường	Bản Tin Tốc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Sản xuất điện thương phẩm	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Số nhà 182, đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang	Sản xuất điện thương phẩm	56,71%	56,71%	56,71%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoà	138 Tôn Đức Thắng, Phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện thương phẩm	65,10%	65,10%	65,10%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đak Gle	Làng Đăk Nhoong, xã Đăk Nhoong, huyện Đăk Gle, tỉnh Kon Tum	Sản xuất điện thương phẩm	100%	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời	Số nhà 1N7A, đường Nguyễn Thị Thập, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	100%	100%



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### *Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 11.1 thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Hòa Bình	Xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.5	Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Miền Nam	Lô 74-76C, KP3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Nhà Máy thủy điện Thác Trắng	Xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 788 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.373 nhân viên, trong đó lao động thời vụ là 836).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

#### **4. Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Chứng khoán kinh doanh***

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

##### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

##### ***Các khoản đầu tư vào công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### ***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

+ Đối với công trình đấu thầu, Công ty xác định được giá thành nội bộ:

$$\text{Chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ} = \text{Chi phí sản xuất kinh doanh đầu kỳ} + \text{Chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ} - \text{Giá vốn hàng bán trong kỳ}$$



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Trong đó:

$$\text{Giá vốn hàng bán trong kỳ} = \frac{\text{Giá thành nội bộ}}{\text{Tổng doanh thu}} \times \text{Doanh thu ghi nhận trong kỳ}$$

+ Đối với các công trình khác

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ} = \text{Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ} - \text{Thu nhập chịu thuế tính trước} - \text{Các khoản phụ phí (nếu có)} - \text{Chi phí quản lý ước tính} - \text{Lãi vay ước tính (nếu có)} \end{array}$$

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

Riêng máy móc thiết bị của nhà máy thủy điện Thác Trắng được khấu hao theo phương pháp sản lượng.

#### **9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất.

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### **10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

#### 12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên giá trị công trình hoàn thành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

#### 13. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phản công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **16. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

### **17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### **18. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	445.770.036	1.069.111.097
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	57.789.178.663	107.307.626.529
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	86.000.000.000	60.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>144.234.948.699</u></b>	<b><u>168.376.737.626</u></b>

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### 2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	425.000.000			5.952.000.000		(267.701.635)
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội	1.797.000.000	125.790.000	(1.671.210.000)	1.797.000.000	179.700.000	(1.617.300.000)
Ngân hàng TMCP Quân đội				6.727.266.000	6.681.808.000	(45.458.000)
<b>Cộng</b>	<b>2.222.000.000</b>		<b>(1.671.210.000)</b>	<b>14.476.266.000</b>		<b>(1.930.459.635)</b>

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7: giảm do bán 552.700 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 5.527.000.000 VND.
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội: giảm do bán toàn bộ số cổ phiếu đã đầu tư.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(1.930.459.635)	(6.231.091.635)
Trích lập dự phòng bổ sung	(53.910.000)	(53.910.000)
Hoàn nhập dự phòng		1.127.266.000
Sử dụng dự phòng	313.159.635	3.272.734.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(1.671.210.000)</b>	<b>(1.885.001.635)</b>

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>				
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 Thăng Long <sup>(i)</sup>	47.381.773.480		47.381.773.480	
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông <sup>(ii)</sup>	57.250.000.000	0	57.250.000.000	(1.915.824.859)
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn <sup>(iii)</sup>	35.594.689.000	0	35.594.689.000	(3.464.276.716)
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoa <sup>(iv)</sup>	66.942.942.240		72.350.532.240	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Gle <sup>(v)</sup>	20.774.000.000	-	3.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư điện Mặt Trời <sup>(vi)</sup>	17.202.240.000			
<b>Cộng</b>	<b>245.145.644.720</b>	<b>0</b>	<b>215.576.994.720</b>	<b>(5.380.101.575)</b>

- <sup>(i)</sup> Trong năm 2013, Công ty hoàn thành sáp nhập Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long và tổ chức lại thành Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long do Công ty Cổ phần Sông Đà 11 làm chủ sở hữu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0106408857 ngày 31

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

- tháng 12 năm 2013. Vốn điều lệ của Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long là 50 tỷ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500378582, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng 56.000.000.000 VND, tương đương 70% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 5.600.000 cổ phiếu, tương đương 70% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng.
- (iii) Trong năm 2015 Công ty đã mua 3.548.576 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn với giá mua là 35.594.689.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 3.548.576 cổ phiếu, tương đương 56,71% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn.
- (iv) Trong năm 2015 Công ty đã mua 5.407.590 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ với giá mua là 72.350.532.240 VND. Trong kỳ, Công ty nhận được cổ tức năm 2014 số tiền 5.407.590.000 VND, là cổ tức trước khi khoản đầu tư được mua, được hạch toán giảm giá trị của khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 5.407.590 cổ phiếu, tương đương 65,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101207604, ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Glei do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Glei 42.250.000.000 VND, tương đương 65% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đã đầu tư thêm 12.580.500.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 15.580.500.000.000 VND, tương đương 23,97% vốn điều lệ (số đầu năm là 3.000.000.000 VND, tương đương 4,61% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Glei là 26.669.500.000 VND.
- (vi) Trong kỳ, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và quyền góp vốn với các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời để sở hữu 57.000.000 cổ phiếu (tương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty này, trong đó cổ phiếu hiện có là 1.086.000 cổ phiếu và quyền góp vốn tương ứng với 55.914.000 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 868.800 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời.

#### *Giá trị hợp lý*

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 35.690.094.000 VND. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### *Tình hình hoạt động của các công ty con*

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Glei và Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

#### *Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Số đầu năm	(5.380.101.575)	(8.419.819.770)
Trích lập dự phòng bổ sung	0	(1.915.3824.859)
Hoàn nhập dự phòng	5.380.101.575	4.955.543.054
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>0</b>	<b>(5.380.101.575)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

*Giao dịch với các công ty con*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông (To Buông)</b>		
To Buông vay	144.670.000.000	
Trả tiền gốc vay	134.550.000.000	4.000.000.000
Góp vốn điều lệ bằng tiền		13.300.000.000
Doanh thu hoạt động xây dựng	33.056.213.672	7.268.219.241
Lãi vay To Buông phải trả	1.430.790.210	
Bán vật tư, BHLĐ	12.180.000	
<b>Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 Thăng Long</b>		
<i><b>Giao dịch bán hàng</b></i>		
Doanh thu bán vật tư, thu phí tiếp địa, bảo hiểm	3.154.204.133	2.175.005.210
Doanh thu cước vận chuyển		(304.327.818)
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	292.837.632	309.072.771
<i><b>Giao dịch mua hàng</b></i>		
Chi phí xây lắp hoàn thành	29.385.865.393	80.175.872.097
Mua trụ sở	14.090.909.091	
<i><b>Giao dịch khác</b></i>		
Lợi nhuận được chia		16.886.679.000
Cho vay	2.250.000.000	
Trả tiền gốc vay	1.500.000.000	
Lãi vay phải trả	63.934.167	
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ (Đắc Đoạ)</b>		
Lãi vay phải trả Đắc Đoạ	918.144.290	
Vay Đắc Đoạ	32.478.906.943	
Trả tiền vay cho Đắc Đoạ	12.300.000.000	
Lãi vay phải thu Đắc Đoạ		414.511.844
Thu nợ vay ngắn hạn		3.012.000.000
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Gleị (Đắc Gleị)</b>		
Góp vốn điều lệ bằng tiền	17.774.000.000	
Cho Đắc Gleị vay	1.000.000.000	
Bán vật tư, BHLĐ	10.114.000	
Lãi vay phải thu	47.916.666	
<b>Công ty Cổ phần đầu tư điện Mặt Trời</b>		
Góp vốn điều lệ bằng tiền	17.202.240.000	
Cho Đắc Gleị vay	1.350.000.000	



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 3. Phải thu của khách hàng

#### 3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>75.705.739.717</i>	<i>92.493.823.542</i>
Tổng Công ty Sông Đà	59.715.654.342	87.265.346.180
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	-	
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bường	15.931.043.309	5.228.477.362
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Gle	59.042.066	
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>133.844.819.738</i>	<i>99.393.262.273</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Nho Quế 1	5.792.458.830	9.575.822.285
BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc	33.299.579.856	8.247.258.373
BQL Dự án các Công trình điện Miền Nam	29.926.401.434	7.873.278.985
BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung	12.924.168.413	5.544.137.066
Công ty Cổ phần Cơ khí Thiết bị điện Hà Nội	2.440.279.094	14.596.707.858
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà 7		6.536.051.748
Công ty Cổ phần Thủy điện Đak Đrinh	9.622.165.225	4.943.275.697
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He		1.326.185.000
Công ty điện lực Hưng Yên	7.979.055.009	
Các khách hàng khác	31.860.711.877	40.750.545.261
<b>Cộng</b>	<b>209.550.559.455</b>	<b>191.887.085.815</b>

#### 3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>5.391.547.793</i>	<i>9.388.064.477</i>
Tổng Công ty Sông Đà	5.391.547.793	9.388.064.477
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>4.846.661.530</i>	<i>9.797.898.993</i>
BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc		1.936.348.136
BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung		3.078.934.209
Các khách hàng khác	4.846.661.530	4.782.616.648
<b>Cộng</b>	<b>10.238.209.323</b>	<b>19.185.963.470</b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>17.156.734.401</i>	<i>1.283.814.716</i>
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	17.156.734.401	1.283.814.716
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>2.323.483.695</i>	<i>3.426.693.569</i>
Công ty TNHH MTV Hùng Việt Phát Na	318.982.700	1.410.508.447
Các nhà cung cấp khác	2.004.500.995	2.016.185.122
<b>Cộng</b>	<b>19.480.218.096</b>	<b>4.710.508.285</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>13.720.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông <sup>(i)</sup>	10.620.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Gle <sup>(ii)</sup>	1.000.000.000	
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long <sup>(iii)</sup>	750.000.000	
Công ty Cổ phần đầu tư điện Mặt Trời <sup>(iv)</sup>	1.350.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>13.720.000.000</b>	<b>500.000.000</b>

- (i) Là các khoản cho Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông (là công ty con) vay với lãi suất 7,6%/ năm, thời hạn vay 12 tháng.
- (ii) Là các khoản cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Gle (là công ty con) vay với lãi suất 6%/ năm, thời hạn vay 12 tháng.
- (iii) Là các khoản cho Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long (là công ty con) vay với lãi suất 6,35%/ năm, thời hạn vay 12 tháng.
- (iv) Là các khoản cho Công ty Cổ phần đầu tư điện Mặt Trời (là công ty con) vay với lãi suất 6,35%/ năm, thời hạn vay 12 tháng.

#### 6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.698.739.592</i>		<i>7.763.867.188</i>	
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	1.698.739.592		7.092.116.295	
Tổng công ty Sông Đà			671.750.893	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>21.893.476.656</i>		<i>36.050.825.201</i>	<i>(695.750.000)</i>
Tạm ứng	12.818.817.120		19.161.822.353	
Phải thu của CBCNV	720.649.501		791.188.056	
Phải thu các đối công trình	880.283.963		237.602.788	
Tiền cổ tức phải thu			695.750.000	(695.750.000)
Phải thu tiền đền bù GPMB chỉ hộ chủ đầu tư	2.866.055.492		12.586.018.544	
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	219.850.424		267.337.754	
Ký cược, ký quỹ	2.438.782.745		1.791.291.714	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.949.037.411		519.813.992	
<b>Cộng</b>	<b>23.592.216.248</b>	<b>-</b>	<b>43.814.692.389</b>	<b>(695.750.000)</b>

#### 7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
--	------------	------------

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
<b>Các bên liên quan</b>		<b>39.287.506.616</b>	<b>33.616.406.436</b>		<b>8.171.593.096</b>	<b>2.228.262.186</b>
Tổng Công ty Sông Đà					8.171.593.096	2.228.262.186
	dưới 1 năm	31.731.414.765	27.247.464.118	Từ 2 đến 3 năm	7.427.540.619	2.228.262.186
	Trên 3 năm	7.556.091.851	6.368.942.318	Trên 3 năm	744.052.477	
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>		<b>9.813.495.738</b>	<b>4.382.351.292</b>		<b>29.198.723.831</b>	<b>3.591.787.221</b>
Công ty Cổ phần Cơ khí và thiết bị điện Hà Nội				Trên 3 năm	12.156.428.764	
Công ty Cổ phần năng lượng Sơn Vũ				Trên 3 năm	3.645.678.449	
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2				Từ 1 đến 2 năm	1.965.249.110	982.624.555
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	Từ 2 đến 3 năm	9.622.165.225	4.382.351.292	Từ 2 đến 3 năm	3.976.188.479	1.192.856.543
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		191.330.513	-		7.455.179.029	1.416.306.123
<b>Cộng</b>		<b>49.101.002.354</b>	<b>37.998.757.728</b>		<b>37.370.316.927</b>	<b>5.820.049.407</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(31.550.267.520)	(24.490.623.982)
Trích lập dự phòng bổ sung	(7.876.266.569)	(5.813.691.117)
Hoàn nhập dự phòng	9.882.064.255	2.371.879.286
Sử dụng dự phòng	18.381.002.194	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(11.163.467.640)</b>	<b>(27.932.435.813)</b>

## 8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.093.108.118		15.658.626.941	
Công cụ, dụng cụ	1.132.678.071		1.279.912.033	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	44.529.643.450		68.232.627.543	
<b>Cộng</b>	<b>53.755.429.639</b>		<b>85.171.166.517</b>	

## 9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

### 9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí Công cụ dụng cụ còn phải phân bổ.

### 9b. Chi phí trả trước dài hạn

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà làm việc	212.284.337	
Tiền khoan phun hầm dẫn	282.848.623	707.121.547
Công cụ dụng cụ	757.438.751	76.928.151
<b>Cộng</b>	<b>1.252.571.711</b>	<b>784.049.698</b>

#### 10. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	81.815.761.861	76.283.258.516	20.217.588.660	821.444.109	179.138.053.146
Mua trong kỳ	4.985.364.091	2.944.832.712	-	142.727.273	8.072.924.076
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.634.013.308)	-	(1.634.013.308)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>86.801.125.952</b>	<b>79.228.091.228</b>	<b>18.583.575.352</b>	<b>964.171.382</b>	<b>185.576.963.914</b>

*Trong đó:*

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	584.414.189	16.823.490.655	14.438.439.901	508.920.909	32.355.265.654
Chờ thanh lý					

#### **Giá trị hao mòn**

Số đầu năm	30.869.667.015	43.371.709.735	18.597.099.963	552.217.774	93.390.694.487
Khấu hao trong kỳ	3.723.861.110	5.911.956.359	720.448.966	125.788.477	10.482.054.912
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.634.013.308)	-	(1.634.013.308)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>34.593.528.125</b>	<b>49.283.666.094</b>	<b>17.683.535.621</b>	<b>678.006.251</b>	<b>102.238.736.091</b>

#### **Giá trị còn lại**

Số đầu năm	50.946.094.846	32.911.548.781	1.620.488.697	269.226.335	85.747.358.659
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>52.207.597.827</b>	<b>29.944.425.134</b>	<b>900.039.731</b>	<b>286.165.131</b>	<b>83.338.227.823</b>

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng  
Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 59.934.031.737 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

#### 11. Tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất không thời hạn.

#### 12. Phải trả người bán

##### 12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>20.695.446.113</b>	<b>1.877.027.469</b>
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	20.460.380.080	1.877.027.469
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa	235.066.033	
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>37.249.087.444</b>	<b>51.270.604.963</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	1.681.017.120	6.826.908.628
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	391.907.412	4.558.568.554
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khánh Hưng	751.598.929	3.790.357.494
Công ty Cổ phần Thành Long	4.633.508.030	5.223.112.593
Các nhà cung cấp khác	30.542.654.882	30.871.657.694
<b>Cộng</b>	<b>57.944.533.557</b>	<b>53.147.632.432</b>
<b>12b. Phải trả người bán dài hạn</b>		
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<b>9.515.803.333</b>	<b>7.783.336.738</b>
Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn & Cơ khí Bình Dương	607.934.880	1.607.934.880
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	1.955.853.524	1.303.902.350
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khánh Hưng	158.700.418	1.307.628.514
Công ty Cổ phần Thành Long	1.958.667.410	
Công ty TNHH Hùng Hiệp	899.257.502	899.257.502
Các nhà cung cấp khác	3.935.389.599	2.664.613.492
<b>Cộng</b>	<b>9.515.803.333</b>	<b>7.783.336.738</b>
<b>13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<b>41.317.743.142</b>	<b>5.384.718.210</b>
Tổng Công ty Sông Đà	-	
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long		5.384.718.210
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Glei	41.317.743.142	
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>61.430.994.388</b>	<b>37.693.796.321</b>
BQL Dự án các công trình điện Miền Nam	24.736.212.010	14.320.067.554
BQL Dự án các công trình điện Miền Bắc	5.884.962.443	13.960.187.719
BQL Dự án các công trình điện Miền Trung	17.000.000.000	1.592.760.354
Công ty TNHH Xây dựng Hòa An	1.273.184.000	5.000.000.000
Công ty điện lực Hưng Yên - Tổng Công ty điện lực Miền Bắc	-	
Các khách hàng khác	12.536.635.935	2.820.780.694
<b>Cộng</b>	<b>102.748.737.530</b>	<b>43.078.514.531</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.047.950.981		28.024.476.868	(24.476.325.914)	7.596.101.935	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-		45.654.900	(45.654.900)	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.252.973.391		11.890.650.994	(8.501.286.829)	10.642.337.556	
Thuế thu nhập cá nhân	170.686.948	141.963.211	1.186.153.700	(1.256.744.226)	100.096.422	37.146.232
Thuế tài nguyên	253.824.265		2.488.739.243	(2.411.978.100)	330.585.408	
Tiền thuê đất	-		2.431.590.300	(2.431.590.300)	-	
Thuế bảo vệ môi trường	74.382.020		400.462.176	(357.780.580)	117.063.616	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.998.982.346		2.456.546.341	(668.450.156)	3.787.078.531	
<b>Cộng</b>	<b>13.798.799.951</b>	<b>141.963.211</b>	<b>46.492.684.222</b>	<b>(37.718.220.705)</b>	<b>22.573.263.468</b>	<b>37.146.232</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm, vật tư 10%
- Hoạt động cung cấp nước sạch 5%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3758 ngày 07 tháng 06 năm 2005 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho dự án đầu tư mở rộng tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Dự án đầu tư công trình Thủy điện Thác Trắng). Công ty áp dụng ưu đãi thuế theo điểm 6, điều 36 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp: Dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực quy định tại Danh mục B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư và thực hiện tại địa bàn quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nhà máy thủy điện Thác Trắng trong 04 năm kể từ năm 2012 đến năm 2015 và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2023)

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	72.033.041.813	58.883.267.626
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	157.247.410	2.213.485.957
- Các khoản điều chỉnh giảm	507.247.410	2.213.485.957
	(350.000.000)	
Thu nhập chịu thuế	72.190.289.223	61.096.753.583
Thu nhập được miễn thuế	(7.092.591.200)	(16.886.679.000)
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	65.097.698.023	44.210.074.583
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>13.019.539.605</b>	<b>8.842.014.917</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>	<b>(1.585.666.782)</b>	<b>(1.589.041.527)</b>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>11.433.872.823</b>	<b>7.252.973.390</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>456.778.171</b>	<b>57.646.174</b>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>11.890.650.994</b>	<b>7.310.619.564</b>

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp của từng hoạt động như sau:

	<b>Các hoạt động khác</b>	<b>Nhà máy thủy điện Thác Tráng</b>	<b>Tổng cộng</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56.176.373.996	15.856.667.817	72.033.041.813
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:			
157.247.410		- -	157.247.410
- Các khoản điều chỉnh tăng	507.247.410	-	507.247.410
<i>Các khoản phạt</i>	<i>362.978.675</i>		<i>362.978.675</i>
<i>Thù lao HĐQT không điều hành</i>	<i>96.000.000</i>		<i>96.000.000</i>
<i>Các khoản khác</i>	<i>48.268.735</i>		<i>48.268.735</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	(350.000.000)	-	(350.000.000)
Thu nhập chịu thuế	56.333.621.406	15.856.667.817	72.190.289.223
Thu nhập được miễn thuế	(7.092.591.200)		(7.092.591.200)
Thu nhập tính thuế	49.241.030.206	15.856.667.817	65.097.698.023
Bù trừ thu nhập giữa các hoạt động		-	-
Tổng thu nhập tính thuế	49.241.030.206	15.856.667.817	65.097.698.023
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>9.848.206.041</b>	<b>3.171.333.563</b>	<b>13.019.539.605</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Các hoạt động khác	Nhà máy thủy điện Thác Trắng	Tổng cộng
<i>phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>			
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>		(1.585.666.782)	(1.585.666.782)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	9.848.206.041	1.585.666.782	11.433.872.823
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	456.778.171		456.778.171
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</i>	10.304.984.212	1.585.666.782	11.890.650.994

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 5% giá tính thuế (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ, hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 4% trên giá tính thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	11.070.035.682	15.612.901.456
Trích trước chi phí công trình	10.258.104.878	15.350.067.864
Trích trước chi phí thuê đất	-	-
Chi phí lãi vay phải trả	811.930.804	262.833.592
<b>Cộng</b>	<b>11.070.035.682</b>	<b>15.612.901.456</b>

**16. Phải trả khác****16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	46.940.926.266	85.402.303.898
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	384.183.427	109.412.351
Kinh phí công đoàn	402.680.645	521.042.551
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	598.594.423	11.937.227.923
Tiền ủy thác góp vốn của CBNV	425.000.000	2.022.500.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng		918.260.306
Phải trả các đội tiền khoán công trình	22.241.857.401	36.224.084.227
BQL DA các công trình điện Miền Trung (Công trình đường dây 500 KV Mỹ Phước Cầu Bông)		2.638.153.035
Công ty Cổ phần Lắp máy và XD điện (IEC) (Công trình đường dây 500 KV Bắc Ninh 2 Phở nổi)		8.841.090.028
BQL DA các công trình điện Miền Bắc (Công trình đường dây 220KV Trục Ninh - Nam Định)	14.137.418.337	8.936.394.202
Tổng công ty Phát triển Đường cao tốc Việt Nam (Công trình đường dây 500KV Đà Nẵng - Quảng Ngãi)	-	7.870.932.623
Phải trả khác	8.751.192.033	4.883.206.652
<b>Cộng</b>	<b>46.940.926.266</b>	<b>85.402.303.898</b>

**16b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	500.000.000	1.000.000.000
Tiền ủng hộ người nghèo tỉnh Sơn La	500.000.000	500.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược		500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>500.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>

**17. Vay****17a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	20.178.906.943	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa <sup>(i)</sup>	20.178.906.943	
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng<sup>(ii)</sup></i>	99.719.315.583	190.181.280.215
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	3.965.167.846	47.415.447.896
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	49.607.699.898	42.900.706.567
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ	38.866.987.686	99.865.125.752
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)</i>	5.740.000.000	3.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà	1.320.000.000	1.320.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	2.280.000.000	2.280.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	940.000.000	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ	1.200.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>118.358.762.373</b>	<b>193.781.280.215</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Vay Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 7,5%/ năm, thời hạn vay 12 tháng.
- (ii) Các khoản vay Ngân hàng để bổ sung vốn lưu động với lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ, từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	190.181.280.215	210.987.321.347		(308.728.746.132)	92.439.855.430
Vay ngắn hạn các tổ chức khác		32.478.906.943		(12.300.000.000)	20.178.906.943
Vay dài hạn đến hạn trả	3.600.000.000		5.740.000.000	(3.600.000.000)	5.740.000.000
<b>Cộng</b>	<b>193.781.280.215</b>	<b>243.446.228.290</b>	<b>5.740.000.000</b>	<b>(324.628.746.132)</b>	<b>118.358.762.373</b>

#### 17b. Vay dài hạn

Là khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, trong đó:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
+ Chi nhánh Hà Tây <sup>(i)</sup>	782.882.087	3.062.882.087
+ Chi nhánh Bắc Hà <sup>(ii)</sup>	1.279.862.697	2.599.862.697
+ Chi nhánh Gia Lai <sup>(iii)</sup>	46.220.000.000	
+ Chi nhánh Láng Hạ <sup>(iv)</sup>	8.400.000.000	
	<b>56.682.744.784</b>	<b>5.662.744.784</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng hạn số 01/2014/HĐTD ngày 14/5/2014, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp và hợp đồng tín dụng số 02/2015/177782/HĐTD ngày 08/06/2015, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp năm 2015.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2012/HĐTD, vay để thực hiện dự án đầu tư mua sản tăng 7- Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai theo Hợp đồng tín dụng số 36/16/NHNT ngày 28/12/2016, thời hạn vay 120 tháng, kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên (20/2/2017), lãi suất cố định trong 12 tháng đầu là 7,8%/năm, điều chỉnh lãi suất định kỳ 3 tháng/1 lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là Công trình Nhà máy Thủy điện Thác Trắng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

- (iv) Khoản vay Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh Láng Hạ theo Hợp đồng tín dụng để bù đắp một phần chi phí đã bỏ ra mua trụ sở BT 24 VT24 KĐT Xa la.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	5.740.000.000	3.600.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	2.062.744.784	5.662.744.784
Trên 5 năm	54.620.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>62.422.744.784</b>	<b>9.262.744.784</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	5.662.744.784	9.262.744.784
Số tiền vay phát sinh	57.000.000.000	
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(5.980.000.000)	(3.600.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>56.682.744.784</b>	<b>5.662.744.784</b>

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**18. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn****18a. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	4.708.562.688
Kết chuyển từ dự phòng phải trả dài hạn	1.397.698.522
Số hoàn nhập	(4.708.562.688)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.397.698.522</b>

**18b. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	38.733.349.513
Tăng do trích lập	1.317.584.434
Số hoàn nhập	(35.712.567.389)
Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	(1.397.698.522)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.940.668.036</b>

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	689.597.117	515.726.481	(193.400.000)	1.011.923.598
Quỹ phúc lợi	979.784.137	515.726.481	(831.500.000)	664.010.618
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành		500.000.000	(500.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>1.669.381.254</b>	<b>1.531.452.962</b>	<b>(1.524.900.000)</b>	<b>1.675.934.216</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 20. Vốn chủ sở hữu

##### 20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	115.531.050.000	34.366.527.623	67.247.066.956	85.726.661.247	302.871.305.826
Lợi nhuận trong kỳ trước				51.572.648.062	51.572.648.062
Trích lập các quỹ			60.405.918.023	(62.620.451.247)	(2.214.533.224)
Chia cổ tức				(23.106.210.000)	(23.106.210.000)
Tạm ứng cổ tức				(11.553.105.000)	(11.553.105.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>115.531.050.000</b>	<b>34.366.527.623</b>	<b>127.652.984.979</b>	<b>40.019.543.062</b>	<b>317.570.105.664</b>
Số dư đầu năm nay	115.531.050.000	34.366.527.623	127.652.984.979	40.019.543.062	317.570.105.664
Lợi nhuận trong kỳ này				60.142.390.819	60.142.390.819
Trích lập các quỹ			26.934.985.100	(28.466.438.062)	(1.531.452.962)
Chia cổ tức				(11.553.105.000)	(11.553.105.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>115.531.050.000</b>	<b>34.366.527.623</b>	<b>154.587.970.079</b>	<b>60.142.390.819</b>	<b>364.627.938.521</b>

##### 20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước (Tổng Công ty Sông Đà)	31.030.000.000	31.030.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	84.501.050.000	84.501.050.000
Thặng dư vốn cổ phần	34.366.527.623	34.366.527.623
<b>Cộng</b>	<b>149.897.577.623</b>	<b>149.897.577.623</b>

##### 20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### 20d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2017 như sau:

	VND
• Chia cổ tức	: 23.106.210.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 26.934.985.100
• Trích quỹ khen thưởng	: 515.726.481
• Trích quỹ phúc lợi	: 515.726.481
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành công ty	: 500.000.000

Theo Nghị quyết số 64/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 12 năm 2016, Công ty tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016 bằng tiền với tỷ lệ là 10% cho các cổ đông hiện hữu theo danh sách chốt ngày 26 tháng 12 năm 2016, ngày thanh toán là ngày 06 tháng 01 năm 2017. Thanh toán nốt cổ tức năm 2016 lần 2 vào ngày 25 tháng 08 năm 2017

#### 21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### 21a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 94,26 USD (số đầu năm là 95,76 USD).

##### 21b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty Cổ phần Cơ khí Thiết bị Điện Hà Nội	12.156.428.764		Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Linh Linh	1.261.738.423		Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	1.326.185.000		Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	5.205.452.437		Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
<b>Cộng</b>	<b>19.949.804.624</b>		

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện thương phẩm	25.861.160.202	26.144.345.877
Doanh thu hợp đồng xây dựng	405.865.236.917	710.415.997.375
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	23.741.531.796	23.046.376.358
<b>Cộng</b>	<b>455.467.928.915</b>	<b>759.606.719.610</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng Công ty Sông Đà</b>		
Doanh thu xây lắp thực hiện		354.620.896.715

#### 2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán điện thương phẩm	7.945.675.021	8.171.241.268
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	344.507.482.980	640.680.900.555
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	20.458.429.569	26.594.530.061
<b>Cộng</b>	<b>372.911.587.570</b>	<b>675.446.671.884</b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	4.237.870.733	1.432.137.224
Lãi tiền cho vay	1.551.626.043	375.960.823
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.865.321.200	16.886.679.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.736.675	4.983.731
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	1.160.646.500	
Phí bảo lãnh	325.624.945	1.461.579.346
<b>Cộng</b>	<b>14.142.826.096</b>	<b>20.161.340.124</b>

#### 4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	11.932.190.540	6.107.883.675
Phí bảo lãnh	976.789.788	3.912.206.061
Phí cam kết tín dụng	70.339.535	102.608.986
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	21.021	
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(5.326.191.575)	(4.067.616.195)
Chi phí tài chính khác	1.928.835.689	
<b>Cộng</b>	<b>9.581.984.998</b>	<b>6.055.082.527</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	25.734.531.819	25.506.871.931
Chi phí vật liệu quản lý	1.774.786.957	1.991.454.200
Chi phí đồ dùng văn phòng	475.364.215	344.799.393
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.019.265.882	1.913.526.641
Thuế, phí và lệ phí	333.356.476	536.828.289
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(677.881.256)	7.059.643.538
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.258.716.007	4.322.235.313
Các chi phí khác	7.374.467.982	7.671.508.594
<b>Cộng</b>	<b>40.292.608.082</b>	<b>49.346.867.899</b>

#### 6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	719.090.910	344.493.096
Các khoản nợ phải trả không xác định được chủ	117.361	
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	43.489.412.725	11.747.308.623
Thu nhập khác	41.013.531	98.184.705
<b>Cộng</b>	<b>44.249.634.527</b>	<b>12.189.986.424</b>

#### 7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt chậm nộp BHXH, phạt thuế	220.020.511	1.937.250.411
Thuế bị phạt, bị truy thu	142.958.164	
Xử lý vật tư bị mất	48.268.735	96.331.309
Giá trị các công trình bị cắt giảm do quyết toán	18.602.089.547	
Chi phí khác	27.830.118	192.574.502
<b>Cộng</b>	<b>19.041.167.075</b>	<b>2.226.156.222</b>

#### 8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 2.205.201.364 VND (cùng kỳ năm trước là 2.448.261.590 VND).

#### **1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Sông Đà	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bường	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Gléi	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời	Công ty con
Các công ty con của Tổng Công ty Sông Đà	Công ty con của Cổ đông lớn

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Tổng Công ty Sông Đà</b>		
Chi phí dịch vụ		519.673.643
Tiền lãi vay phải trả		19.512.411
Mua tài sản của Tổng Công ty Sông Đà		160.000.000

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.7, V.12, V.13 và V.18



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ.

## 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác.

### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực khác: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình, kinh doanh bán đá và cung cấp các dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Kỳ này</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	405.865.236.917	49.602.691.998	455.467.928.915
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>405.865.236.917</b>	<b>49.602.691.998</b>	<b>455.467.928.915</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	61.357.753.937	21.198.587.408	82.556.341.345
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(40.292.608.082)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			42.263.733.263
Doanh thu hoạt động tài chính			14.142.826.096
Chi phí tài chính			(9.581.984.998)
Thu nhập khác			44.249.634.527
Chi phí khác			(19.041.167.075)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(11.890.650.994)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>60.142.390.819</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>17.129.343.564</b>	<b>2.093.457.324</b>	<b>19.222.800.888</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>10.213.814.581</b>	<b>1.248.278.130</b>	<b>11.462.092.711</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>(8.371.883.929)</b>	<b>(1.023.167.156)</b>	<b>(9.395.051.085)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### Kỳ trước

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài

710.415.997.375 49.190.722.235 759.606.719.610

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận

**Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

710.415.997.375 49.190.722.235 759.606.719.610

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

69.735.096.820 14.424.950.906 84.160.047.726

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

(49.346.867.899)

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

34.813.179.827

Doanh thu hoạt động tài chính

20.161.340.124

Chi phí tài chính

(6.055.082.527)

Thu nhập khác

12.189.986.424

Chi phí khác

(2.226.156.222)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

(7.310.619.564)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**

51.572.648.062

**Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác**

32.448.095.507 2.246.775.494 34.694.871.001

**Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn**

7.171.783.598 3.921.036.712 11.092.820.310

**Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)**

14.509.267.633 457.169.421 14.966.437.054

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	342.719.225.526	47.723.606.113	390.442.831.639
Tài sản phân bổ cho bộ phận			417.053.586.114
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			807.496.417.753
<b>Tổng tài sản</b>			
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	200.728.231.015	32.330.171.911	233.058.402.926
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			209.810.076.306
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			442.868.479.232
<b>Tổng nợ phải trả</b>			

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### Số đầu năm

Tài sản trực tiếp của bộ phận	309.710.456.439	47.413.471.797	357.123.928.236
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			436.496.466.701
<b>Tổng tài sản</b>			<b>793.620.394.937</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	214.238.256.827	35.430.594.429	249.668.851.256
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			226.381.438.017
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>476.050.289.273</b>

#### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	455.467.928.915	416.290.447.784
Khu vực nước ngoài	-	343.316.271.826
<b>Cộng</b>	<b>455.467.928.915</b>	<b>759.606.719.610</b>

#### 3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

##### 3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng, cho vay.

##### Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách tìm hiểu kỹ thông tin về tình hình tài chính trước khi giao dịch với khách hàng. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

##### Các khoản cho vay

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Công ty cho các công ty con vay tiền. Các Công ty này hoạt động có hiệu quả và Công ty kiểm soát được khả năng thanh toán. Vì vậy rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<b>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</b>	<b>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn và bị giảm giá</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	144.234.948.699			144.234.948.699
Chứng khoán kinh doanh	425.000.000	1.797.000.000		2.222.000.000
Phải thu khách hàng	170.402.289.513		49.386.479.265	219.788.768.778
Các khoản cho vay	13.720.000.000			13.720.000.000
Các khoản phải thu khác	7.003.577.829		0	7.003.577.829
<b>Cộng</b>	<b>335.785.816.041</b>	<b>1.797.000.000</b>	<b>49.386.479.265</b>	<b>386.969.295.306</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.376.737.626			168.376.737.626
Chứng khoán kinh doanh		14.476.266.000		14.476.266.000
Phải thu khách hàng	174.398.482.358		36.674.566.927	211.073.049.285
Các khoản cho vay	500.000.000			500.000.000
Các khoản phải thu khác	22.660.991.438		695.750.000	23.356.741.438
<b>Cộng</b>	<b>365.936.211.422</b>	<b>14.476.266.000</b>	<b>37.370.316.927</b>	<b>417.782.794.349</b>

### 3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Vay và nợ	118.358.762.373	56.682.744.784	175.041.507.157
Phải trả người bán	57.944.533.557	9.515.803.333	67.460.336.890
Các khoản phải trả khác	12.467.734.204	2.940.668.036	15.408.402.240
<b>Cộng</b>	<b>188.771.030.134</b>	<b>69.139.216.153</b>	<b>257.910.246.287</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
<b>Số đầu năm</b>			
Vay và nợ	193.781.280.215	5.662.744.784	199.444.024.999
Phải trả người bán	53.147.632.432	7.783.336.738	60.930.969.170
Các khoản phải trả khác	69.004.068.671		69.004.068.671
<b>Cộng</b>	<b>315.932.981.318</b>	<b>13.446.081.522</b>	<b>329.379.062.840</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm (USD)	Số đầu năm (USD)
Tiền và các khoản tương đương tiền	88,76	95,76
Các khoản phải trả khác		
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>88,76</b>	<b>95,76</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.000.000.000	60.000.000.000
Các khoản cho vay	13.720.000.000	500.000.000
Vay và nợ	(175.041.507.157)	(199.444.024.999)
<b>Nợ phải trả thuần</b>	<b>(75.321.507.157)</b>	<b>(138.944.024.999)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

#### *Rủi ro về giá nguyên vật liệu*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

#### **3d. Tài sản đảm bảo**

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### **4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

##### *Tài sản tài chính*

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	144.234.948.699	-	168.376.737.626	-
Chứng khoán kinh doanh	2.222.000.000	(1.671.210.000)	14.476.266.000	(1.930.459.635)
Phải thu khách hàng	219.788.768.778	(11.163.467.640)	211.073.049.285	(31.550.267.520)
Các khoản cho vay	13.720.000.000	-	500.000.000	-
Phải thu khác	7.003.577.829	-	23.356.741.438	(695.750.000)
<b>Cộng</b>	<b>386.969.295.306</b>	<b>(12.834.677.640)</b>	<b>417.782.794.349</b>	<b>(34.176.477.155)</b>

##### *Nợ phải trả tài chính*

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	175.041.507.157	199.444.024.999
Phải trả người bán	67.460.336.890	60.930.969.170
Các khoản phải trả khác	15.408.402.240	69.004.068.671
<b>Cộng</b>	<b>257.910.246.287</b>	<b>329.379.062.840</b>

##### *Giá trị hợp lý*

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### 5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn